

SỈ SỐ HỌC SINH, SINH VIÊN THÁNG 5 / 2016

Tính đến ngày 10 / 5 / 2016

KHÓA 2014 TCCN							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 14TC-ĐT	7			6 14TC-Ô2	26		
2 14TC-Đ1	36		2	7 14TC-MT	27	24	1
3 14TC-ĐL	30			8 14TC-QTM	18		2
4 14TC-CKT_P	37						
5 14TC-Ô1	31		4	TỔNG CỘNG	212	24	9
KHÓA 2015 TCCN (12+2) (TN_THPT hoặc chưa TN_THPT)							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 15TN-Đ	31			4 15TN-Ô	20		
15TCT-Đ	48			15TCT-Ô	55		
2 15TN-NL	16			5 15TN-MTT	6	6	
15TCT-NL	16			15TCT-MTT	4	4	
3 15TN-CK	21			6 15TN-QTM	12	1	
15TCT-CK	24			15TCT-QTM	18		
				TỔNG CỘNG	271	11	0
KHÓA 2015 TCCN (9+3)							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 15TC-Đ	36			4 15TC-QTM	42	5	
2 15TC-NL	22						
3 15TC-Ô	51			TỔNG CỘNG	151	5	0
KHÓA 2013 CAO ĐẲNG							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 13CĐ-ĐT1	53	1	2	11 13CĐ-Ô1	56		
2 13CĐ-ĐT2	58		5	12 13CĐ-Ô2	57		
3 13CĐ-Đ1	45			13 13CĐ-Ô3	57	1	
4 13CĐ-Đ2	51		2	14 13CĐ-M	56	52	
5 13CĐ-Đ3	40		1	15 13CĐ-TP1	39	6	
6 13CĐ-NL1	47	1		16 13CĐ-TP2	32	2	
7 13CĐ-CK1	55		1	17 13CĐ-TM1	38	5	3
8 13CĐ-CK2	52		2	18 13CĐ-TM2	35	3	
9 13CĐ-CK3	57		4				
10 13CĐ-CK4	51			TỔNG CỘNG	879	71	20

KHÓA 2014 CAO ĐẲNG							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 14CĐ-ĐT1	46		2	10 14CĐ-Ô2	43		1
2 14CĐ-ĐT2	45			11 14CĐ-Ô3	53		2
3 14CĐ-Đ1	40			12 14CĐ-Ô4	43		
4 14CĐ-Đ2	37		1	13 14CĐ-Ô5	43		6
5 14CĐ-NL1	37			14 14CĐ-M1	35	33	1
6 14CĐ-CK1	56	2	5	15 14CĐ-TP1	32		1
7 14CĐ-CK2	56		3	16 14CĐ-TP2	27	3	3
8 14CĐ-CK3	55		3	17 14CĐ-TM1	23	1	
9 14CĐ-Ô1	43		5	TỔNG CỘNG	714	39	33
KHÓA 2015 CAO ĐẲNG							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 15CĐ-ĐĐT1	58	1		21 15CĐ-CTM5	68		
2 15CĐ-ĐĐT2	57			22 15CĐ-Ô1	58		
3 15CĐ-ĐĐT3	56			23 15CĐ-Ô2	59		
4 15CĐ-ĐĐT4	58			24 15CĐ-Ô3	58		
5 15CĐ-ĐĐT5	57			25 15CĐ-Ô4	58		
6 15CĐ-ĐĐT6	56			26 15CĐ-Ô5	60		
7 15CĐ-ĐĐT7	54			27 15CĐ-Ô6	56		
8 15CĐ-ĐĐT8	56			28 15CĐ-Ô7	57		
9 15CĐ-ĐĐT9	44	1		29 15CĐ-Ô8	54	1	
10 15CĐ-ĐL1	60			30 15CĐ-Ô9	21		
11 15CĐ-ĐL2	61			31 15CĐ-MTT1	58	46	
12 15CĐ-ĐL3	66			32 15CĐ-MTT2	59	49	
13 15CĐ-CĐ1	40			33 15CĐ-MTT3	57	53	
14 15CĐ-CĐ2	51			34 15CĐ-TP1	54	2	
15 15CĐ-CĐT1	40			35 15CĐ-TP2	55	5	
16 15CĐ-CĐT2	45	1		36 15CĐ-TP3	62	3	
17 15CĐ-CTM1	70			37 15CĐ-TM1	65	0	
18 15CĐ-CTM2	70			38 15CĐ-TM2	68	4	
19 15CĐ-CTM3	70	1		39 15CĐ-TW	68	5	
20 15CĐ-CTM4	70			TỔNG CỘNG	2234	172	0
KHÓA 2015 CAO ĐẲNG NGHỀ (12+3)							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 15CĐN-Ô	65			2 15CĐN-QTD	20	11	
				TỔNG CỘNG	85	11	0
KHÓA 2015 CAO ĐẲNG NGHỀ (9+4)							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 15TCN-Đ	49			7 15TCN-MTT	29	24	
2 15TCN-ĐT	44			8 15TCN-QTM1	62	8	
3 15TCN-LĐL	51			9 15TCN-QTM2	63	6	
4 15TCN-CKL	53			10 15TCN-KTD	42	30	
5 15TCN-Ô1	57						
6 15TCN-Ô2	55			TỔNG CỘNG	505	68	0

KHÓA 2015 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (01 lớp ghép)							
LỚP	TS	Nữ	BL-TNH	LỚP	TS	Nữ	BL-TNH
1 15CD-LTĐ	29			ghép 15CD-LTÔTÔ	12		
15CD-LTCK	7			TỔNG CỘNG	48	0	0

* Tổng HSSV toàn Trường: **105 Lớp 5099 (Nữ: 401)**

- Cao đẳng chuyên nghiệp: 3827 (Nữ: 282)

- Trung cấp chuyên nghiệp (12+2): 483 (Nữ: 35)

- Trung cấp chuyên nghiệp (9+3): 151 (Nữ: 5)

- Cao đẳng nghề (12+3): 85 (Nữ: 11)

- Cao đẳng nghề (9+4): 505 (Nữ: 68)

- Cao đẳng Liên thông: 48 (Nữ: 0)

* Trong đó: Tuyển mới NH.15-16 có : **3294 /62 Lớp**

- Cao đẳng chuyên nghiệp: 2234 /39 Lớp

- Trung cấp chuyên nghiệp (12+2): 271 /06 Lớp

- Trung cấp chuyên nghiệp (9+3): 151 /04 Lớp

- Cao đẳng nghề (12+3): 85 /02 Lớp

- Cao đẳng nghề (9+4): 505 /10 Lớp

- Cao đẳng Liên thông: 48 /01 Lớp

* Tổng số HSSV theo địa giới:

- Hộ khẩu TP.Hồ Chí Minh (A): 1,651

- Hộ khẩu Tỉnh (B): 3,448

* Khóa 2015 TCCN(12+2) TN.THPT hoặc chưa TN.THPT, TCCN(9+3) ngày **05/10/2015** học theo TKB

* Khóa 2015 Cao đẳng chuyên nghiệp **12/10/2015** học theo TKB

* Khóa 2015 Cao đẳng nghề (12+3 và 9+4) ngày **19/10/2015** học theo TKB

* Khóa 2015 Cao đẳng liên thông ngày **14/ 3/2016** học theo TKB

* Bảo lưu & Tạm ngừng học vào học tiếp **62**

* **Tỷ lệ hao hụt** 15-16 Giảm/NH Giảm/T Tỷ lệ % /năm học Tỷ lệ % /tháng

- Khóa: 2014 TCCN 222 10 4.50 0.00

- Khóa: 2015 TCCN (12+2) 273 2 0.73 0.00

- Khóa: 2015 TCCN (9+3) 152 1 0.66 0.00

- Khóa: 2013 Cao đẳng 955 75 2 7.85 0.23

- Khóa: 2014 Cao đẳng 871 157 1 18.03 0.14

- Khóa: 2015 Cao đẳng 2249 15 1 0.67 0.04

- Khóa: 2015 Cao đẳng nghề (12+3) 86 1 1.16 0.00

- Khóa: 2015 Cao đẳng nghề (9+4) 509 4 0.79 0.00

- Khóa: 2015 Cao đẳng liên thông 48 0 0.00 0.00

Tổng toàn trường = 5365 265 4 4.94 0.08

* Trong đó: Tổng số HSSV ở các Khoa

Khoa	Lớp	TCCN	Lớp	Cao đẳng	Tổng số	Ghi chú
Khoa Công nghệ Điện-Điện tử	6	251	18	940	1191	29SVLTD(Lớp ghép)
Khoa CN Nhiệt lạnh	4	135	5	271	406	
Khoa CN Cơ khí	3	135	16	913	1048	07SVLTCK(Lớp ghép)
Khoa CN Động lực	6	295	18	953	1248	12SVLTÔTÔ(Lớp ghép)
Khoa Công nghệ May - Thời trang	3	66	5	265	331	
Khoa Công nghệ Thông tin	5	215	13	598	813	
Khoa Kinh tế	1	42	1	20	62	
Khoa Ngoại ngữ	0	0	0	0	0	
Khoa CN Sinh học - Thực phẩm môi trường	0	0	0	0	0	
Tổng toàn trường	28	1139	76	3960	5099	105

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2016

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV



Nguyễn Thanh Lâm

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Dũng